

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH BÌNH
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 71/2024/DS-ST

Ngày: 10-7-2024.

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lý Thị Bích Thơ

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Văn Liệt

2. Ông Ngô Văn Khon

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Bích là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:** Không.

Trong các ngày 24 tháng 6 và ngày 10 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở **Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình**, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 143/2024/TLST-DS ngày 02 tháng 5 năm 2024 về tranh chấp dân sự hợp đồng tín dụng, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 107/2024/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 6 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số: 90/2024/QĐST-DS ngày 24 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** **Ngân hàng TMCP S.**

Địa chỉ: **Số B, 268, N, phường V, Quận C, TP. Hồ Chí Minh.**

Người đại diện theo pháp luật: Bà **Nguyễn Đức Thạch D**, chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Văn Bé H**, chức vụ: Phó Giám đốc **Ngân hàng TMCP S – Chi nhánh Đ1**, theo Giấy ủy quyền số 238/2024/GUQ-PC ngày 24/01/2024 về việc ký hợp đồng/ thỏa thuận, văn bản và tham gia tố tụng;

Người đại diện theo ủy quyền của ông **Nguyễn Văn Bé H** là: Ông **Bùi Minh T**, sinh năm: 1983, chức vụ: Chuyên viên quản lý nợ, Phòng Kiểm soát rủi ro – **Chi nhánh Đ1**, theo hợp đồng ủy quyền số 73/GUQ-CNĐT ngày 11/4/2024 về việc tham gia tố tụng (có mặt).

Địa chỉ: **số E, N, Phường B, tp., tỉnh Đồng Tháp**

- **Bị đơn:** Ông **Phạm Tiến Đ**, sinh năm: 1988 (vắng mặt không có lý do);

Nơi cư trú: **Số A, khóm T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện đề ngày 10/4/2024 của Ngân hàng TMCP S, bản khai, Biên bản hòa giải và trong quá trình xét xử:

- Nguyên đơn Ngân hàng TMCP S, người đại diện theo ủy quyền là ông Bùi Minh t trình bày:

Ngày 24/01/2022 ông Phạm Tiến Đ có ký giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng tại Ngân hàng TMCP S – Chi nhánh Đ1 số 1922924, ngày 27/01/2022: Hạn mức thẻ được cấp là: 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng), nợ gốc là 45.529.883.000đ, lãi quá hạn là: 7.518.783đ, tạm tính đến ngày 10/4/2024, lãi suất vay là 2.6%/tháng.

Ngày 15/10/2023, do ông Phạm Tiến Đ vi phạm nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạn. Mặc dù thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp để yêu cầu ông Đ có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng thời Ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để ông Đ trả nợ, nhưng đến nay ông Đ vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn, vi phạm các điều khoản đã quy định tại hợp đồng đã ký.

Nay Ngân hàng yêu cầu ông Phạm Tiến Đ trả lại cho Ngân hàng với tiền nợ là 55.554.927đ, trong đó nợ gốc là 45.529.883đ, lãi quá hạn 10.025.044đ, tạm tính đến ngày 07/6/2024 và lãi quá hạn phát sinh kể từ ngày 08/6/2024 cho đến khi trả hết nợ vay theo lãi suất quy định tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm Hợp đồng số 1922924, ngày 27/01/2022.

- Bị đơn ông Phạm Tiến Đ: Vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2, đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải 02 lần, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông Đ không cung cấp văn bản ý kiến về việc yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng cũng như tham dự phiên tòa, phiên hòa giải nên Tòa án không thu thập được lời khai, ý kiến của ông Đ về việc yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

Tại phiên Tòa người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP S trình bày: Căn cứ thu nhập của ông Đ, ngày 27/01/2022, Ngân hàng cấp thẻ tín dụng hạn mức 40.000.000đ, mục đích tiêu xài cá nhân, cụ thể: Thẻ nội địa Family, số thẻ 970403-8011, hạn mức 40.000.000đ, ngày Hợp đồng 27/01/2022, lãi suất áp dụng là 2.6%/tháng. Sau khi được cấp thẻ tín dụng ông Đ đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 50.350.000đ, lãi được tính trên từng giao dịch phát sinh theo từng ngày và theo lãi suất Ngân hàng quy định trong từng thời kỳ mà không cần thông báo trước cho chủ thẻ. Từ ngày kích hoạt thẻ đến ngày 15/6/2023, ông Đ đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 22.411.992đ. Ngày 15/10/2023 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn là 45.529.883đ làm nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Nay Ngân hàng TMCP S yêu cầu ông Đ trả số tiền còn thiếu tính đến hết ngày 10/7/2024 là 56.956.734đ cụ thể: Nợ gốc là 45.529.883đ, lãi quá hạn là 11.426.851đ, lãi suất

áp dụng 2,80% (1,86%/tháng x 150%) và yêu cầu tiếp tục chịu lãi suất phát sinh từ ngày 11/7/2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông **Phạm Tiến Đ** hiện nay đăng ký hộ khẩu thường trú ở **khóm T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp**, nguyên đơn khởi kiện tại Tòa án nơi bị đơn cư trú, nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự

[1.2] Về việc vắng mặt của bị đơn: Tại phiên tòa hôm nay ông **Đ** vắng mặt lần thứ hai không có lý do, Hội đồng xét xử xét thấy ông **Đ** đã được triệu tập hợp lệ đúng theo quy định, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Nguyên đơn đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của bị đơn theo địa chỉ bị đơn ghi trong giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng. Tòa án huyện đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông **Đ** theo đúng quy định, nhưng ông **Đ** không đến Tòa án tham dự các phiên hòa giải, cũng như phiên tòa, đã chứng minh được bị đơn cố tình vắng mặt, không có ý kiến để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông **Phạm Tiến Đ** là phù hợp và đúng theo quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 227 và điểm b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm Hợp đồng số 1922924 ngày 27 tháng 01 năm 2022, **Ngân hàng TMCP S** khởi kiện yêu cầu ông **Đ** trả lại số tiền vay còn nợ, vì cho rằng ông **Đ** vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên làm phát sinh tranh chấp hợp đồng tín dụng, Tòa án huyện thụ lý giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.4] Về pháp luật áp dụng: Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng đã được ký kết vào năm 2022, nên Hội đồng xét xử áp dụng quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015, Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật các tổ chức tín dụng năm 2017 và Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1.] **Ngân hàng TMCP S** khởi kiện yêu cầu ông **Đ** trả lại số tiền vay còn nợ gốc là 45.529.883đ và lãi suất theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm Hợp đồng số 1922924 ngày 27 tháng 01 năm 2022 là có cơ sở chấp nhận. Căn cứ giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng nêu trên, việc ông **Đ** có vay tiền của **Ngân**

Ngân hàng TMCP S là có thật đã xảy. Tuy nhiên, sau khi Ngân hàng cấp thẻ tín dụng cho ông **Đ** với hạn mức là 40.000.000đ, ông **Đ** không thực hiện đúng theo nội dung thỏa thuận trong hợp đồng, từ ngày 15/10/2023 đến nay ông **Đ** không trả gốc, lãi theo thỏa thuận hợp đồng đã ký, nên đã vi phạm hợp đồng nêu trên.

Ông **Phạm Tiến Đ** đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng ông **Đ** không có văn bản trình bày ý kiến về việc có nợ tiền của Ngân hàng và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông **Đ**, nên Hội đồng xét xử không xem xét ý kiến hay yêu cầu của ông **Đ** đối với số tiền nợ nêu trên.

Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của **Ngân hàng TMCP S** buộc ông **Phạm Tiến Đ** có trách nhiệm cá nhân trả lại cho **Ngân hàng TMCP S** số tiền còn nợ tổng cộng là 56.965.734đ (trong đó số tiền nợ gốc là 45.529.883đ, lãi quá hạn là 11.426.851, lãi tạm tính đến ngày 10/7/2024) là phù hợp với quy định tại Điều 463, 466 BLDS năm 2015, khoản 2 Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010.

[2.2.] Ngoài Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm Hợp đồng số 1922924 ngày 27 tháng 01 năm 2022 giữa **Ngân hàng TMCP S** và ông **Đ**, ông **Đ** không có thể chấp tài sản để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ đối với Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng nêu trên, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết đối với tài sản thế chấp.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Bị đơn ông **Phạm Tiến Đ** phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.
- Nguyên đơn **Ngân hàng TMCP S** không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được nhận lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010; điểm b, khoản 2 Điều 227, điểm b khoản 1 Điều 238 và khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của **Ngân hàng TMCP S** đối với ông **Phạm Tiến Đ** về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Buộc ông **Phạm Tiến Đ** có trách nhiệm cá nhân trả cho **Ngân hàng TMCP S** số tiền vay còn nợ gốc là 45.529.883đ, lãi quá hạn là 11.426.851đ, tổng cộng gốc lãi là 56.956.734đ (*Năm mươi sáu triệu, chín trăm năm mươi sáu nghìn, bảy trăm*

ba mươi bốn đồng), tính lãi đến ngày 10/7/2024, theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm Hợp đồng số 1922924 ngày 27 tháng 01 năm 2022.

Kể từ ngày 11/7/2024 ông **Phạm Tiến Đ** còn phải tiếp tục chịu lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà **Ngân hàng TMCP S** và ông **Đ** thỏa thuận trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng nêu trên cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng giữa **Ngân hàng TMCP S** và ông **Đ** có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng thì lãi suất mà ông **Đ** phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn ông **Phạm Tiến Đ** phải chịu 2.847.000đ (Hai triệu, tám trăm bốn mươi bảy nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Nguyên đơn **Ngân hàng TMCP S** không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho Ngân hàng toàn bộ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 1.326.000đ (Một triệu, ba trăm hai mươi sáu nghìn đồng) theo biên lai số 0006566 ngày 23/4/2024 tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

Các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 10/7/2024). Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKS huyện;
- Chi cục THA DS huyện;
- Tòa án ND tỉnh;
- Công thông tin Điện tử TA;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lý Thị Bích Thơ